

Bản án số: 82/2021 /DS-ST  
Ngày 20 tháng 8 năm 2021  
*Về việc “Tranh chấp hợp  
đồng hợp tác bán hàng và  
kiện đòi tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trường

**Các hội thẩm nhân dân:** 1, Ông Nguyễn Văn Tư  
2, Bà Nguyễn Thị Vượng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2021/TLST-DS ngày ngày 01/6/2021 về việc *“Tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng và kiện đòi tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2021/QĐXXST - DS ngày 19 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2021/QĐST-DS ngày 04/8/2021 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị V, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số 307 đường Phong Dịch Cảng, khối 4, phường Trương Thi, thành phố V, tỉnh NA.

(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Đại diện theo ủy Q: Ông Hoàng Quang Q, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số 31, ngõ 267 đường Phùng Khoang, tổ dân phố số 5, phường Trung Văn, quận NTL, HN (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

\* *Bị đơn:* Công ty cổ phần LMTD Việt Nam.

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn C, chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ trụ sở chính: N24, Khu dân cư sỹ quan Quân đoàn 2, đường Hoàng Văn Thụ kéo dài, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ chi nhánh: Số 15 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận BTL, thành phố HN (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung đề ngày 19/5/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Bùi Thị V và người đại diện theo ủy Q*

*của bà V là ông Hoàng Quang Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày như sau:*

Ngày 29/12/2015 bà Bùi Thị V và Công ty cổ phần LMTD Việt Nam (viết tắt là Công ty) ký hợp đồng hợp tác bán hàng số 011841/HĐ-LMTD.

Tuy nhiên, để tham gia ký kết hợp đồng trên với tư cách là cộng tác viên, Công ty yêu cầu bà V phải mua các gói sản phẩm cụ thể như sau:

Sau khi ký hợp đồng, bà V mua 163 gói sản phẩm tại thị trường NA, địa chỉ : 21-23 Đại lộ Lê Nin, xã Nghi Phú, thành phố V, tỉnh NA. Với giá 3 loại khác nhau tùy theo gói sản phẩm và thời điểm khác nhau. Cụ thể: 8.450.000 đồng/gói; 11.880.000 đồng/gói và 9.888.000 đồng/gói. Tổng số tiền của bà V đã mua của Công ty là 1.600.000.000 đồng. Bà V có nộp tiền vào Công ty, Công ty viết và đưa cho bà V 163 Phiếu đặt hàng và Công ty đã viết cho bà V phiếu thu. Sau đó bà V lấy 87 gói sản phẩm cao hồng sâm thì Công ty lại thu lại của bà V 87 phiếu đặt hàng vì Công ty quy định mỗi cộng tác viên hoặc người mua hàng khi lấy hàng đều phải nộp lại Hóa đơn kiêm phiếu xuất kho hoặc phiếu đặt hàng), một thời gian sau công ty thu lại của bà V 60 phiếu đặt hàng rồi viết tắt cả 60 phiếu đặt hàng đó thành Đơn đề nghị tự nguyện gửi hàng hóa tổng cộng là 60 mã sản phẩm và 16 phiếu đặt hàng (tương đương 76 gói sản phẩm). Sau thời gian này bà V đến văn phòng đại diện của Công ty tại thị trường NA để nhận hàng hóa nhưng Công ty không có hàng để gửi cho bà.

Nhận thấy Công ty có dấu hiệu làm ăn không minh bạch, bà V nhiều lần đến Công ty đề xin nhận hàng thì Công ty nói không có. Bà V được biết ngày 03/11/2016 Công ty bị Cục Quản lý cạnh tranh thuộc Bộ Công Thương ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp. Khi nhận được thông tin này bà V và nhiều người tham gia đã nhiều lần lên Văn phòng đại diện của Công ty tại Thị trường Nghệ An để yêu cầu Công ty hoàn trả lại tiền nhưng không được giải quyết.

Nhận thấy Công ty đã có những hành vi vi phạm khoản 2 Điều 16 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp nên bà V làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang buộc Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải trả lại cho bà V số tiền 725.840.000 đồng tương đương với các mã sản phẩm cụ thể như sau:

40 mã sản phẩm (tương đương 40 gói sản phẩm) x 8.450.000 = 338.000.000 đồng

20 Mã sản phẩm (tương đương 20 gói sản phẩm) x 9.888.000 = 197.760.000 đồng

16 Phiếu đặt hàng (tương đương 16 gói sản phẩm) x 11.880.000 = 190.080.000 đồng.

*Bị đơn là Công ty LMTD Việt Nam, do ông Nguyễn Văn C, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty LMTD Việt Nam là người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để viết bản tự khai và trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã niêm yết toàn bộ*

Thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, quyết định xét xử và các giấy tờ tố tụng khác của Tòa án tại nơi Công ty đăng ký trụ sở chính.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thu thập tài liệu chứng cứ từ các vụ án khác do Cục Quản lý cạnh tranh nay là Cục cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng - Bộ Công thương cung cấp cho Tòa án tài liệu liên quan đến Công ty cổ phần LMTD Việt Nam, bao gồm:

- Bản sao hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty.

- Bản sao hồ sơ sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty.

- Bản sao Quyết định số 252/QĐ-QLCT ngày 03/10/2016 của Cục Quản lý cạnh tranh về việc xử lý vụ việc cạnh tranh đối với Công ty. Trong Quyết định có nội dung: Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam không làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp khi có thay đổi, bổ sung liên quan đến Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10, Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp; Công ty đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp không bao gồm đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp với cá nhân không đủ điều kiện tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 19- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đào tạo cơ bản đối với người tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 20- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi duy trì nhiều hơn một vị trí kinh doanh đa cấp, hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, mã số kinh doanh đa cấp hoặc các hình thức khác tương đương đối với một người tham gia bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại điểm p khoản 1 Điều 5 Nghị định 42/2014/NĐ-CP. Công ty đã vi phạm các quy định của Nghị định 42 về bán hàng đa cấp và quá trình hoạt động bán hàng đa cấp, Công ty đã có nhiều sai phạm nên Cục quản lý cạnh tranh, Bộ Công thương đã ra Quyết định xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh đối với Công ty. Ngoài hình thức phạt tiền, Cục quản lý cạnh tranh còn áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là “Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP ngày 21/7/2014 về quy định chi tiết Luật cạnh tranh”, Công ty cổ phần LMTD Việt Nam không còn tư cách về mặt chủ thể để tham gia bán hàng đa cấp.

- Tòa án đã mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng hòa giải không thành vì bị đơn vắng mặt không có lý do.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị V.

Buộc Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải trả cho bà Bùi Thị V số tiền là 190.080.000 đồng (*Một trăm chín mươi triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị V về việc yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải trả cho bà Bùi Thị V số tiền là 535.760.000 đồng (*Năm trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*).

3. Về án phí: Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của bà V được Tòa án chấp nhận. Bà V phải chịu án phí đối với yêu cầu của bà V không được chấp nhận. Tuy nhiên, do bà V đã trên 60 tuổi nên cần miễn án phí cho bà V.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thấy: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm Q giải quyết vụ án thì thấy: Ngày 29/12/2015 bà Bùi Thị V và Công ty cổ phần LMTD Việt Nam (viết tắt là Công ty) ký hợp đồng hợp tác bán hàng số 011841/HĐ-LMTD. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà V với Công ty LMTD Việt Nam là quan hệ dân sự giữa cá nhân không có giấy phép đăng ký kinh doanh với pháp nhân có giấy phép đăng ký kinh doanh về Tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng và kiện đòi tài sản, các bên không tự giải quyết được tranh chấp, bà V làm đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết, đây là "*Tranh chấp về Tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng và kiện đòi tài sản*". Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải trả cho bà V số tiền 725.840.000 đồng tương đương 76 gói sản phẩm.

Ngày 29/12/2015 bà Bùi Thị V và Công ty cổ phần LMTD Việt Nam ký hợp đồng hợp tác bán hàng số 011841/HĐ-LMTD. Theo đó, bà V đã mua của Công ty 163 mã sản phẩm tương đương với 1.600.000.000 đồng. Bà V cho rằng quá trình

thực hiện hợp đồng bà V lấy 87 mã sản phẩm, còn lại 76 mã sản phẩm tương đương với 725.840.000đồng thì bà V chưa nhận được.

Ngày 03/10/2016, cục quản lý cạnh tranh - Bộ Công thương có Quyết định về việc xử lý vụ việc cạnh tranh số 252/QĐ-QLCT đối với Công ty cổ phần LMTD Việt Nam. Tại Quyết định trên thì Công ty đã bị áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP ngày 21/7/2014 về quy định chi tiết Luật cạnh tranh. Sau khi Công ty bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, bà V cũng đã nhiều lần đến Công ty tại thị trường NA để lấy hàng và đòi tiền, nhưng không được giải quyết.

Chứng cứ bà V xuất trình để yêu cầu Công ty trả cho bà số tiền 725.840.000đồng là Đơn đề nghị tự nguyện gửi hàng hóa tổng cộng là 60 mã sản phẩm và 16 phiếu đặt hàng. Tuy nhiên, Đơn đề nghị tự nguyện gửi hàng hóa không được Hội đồng xét xử chấp nhận với lý do: Không có xác nhận của Công ty ký đóng dấu; không ghi đầy đủ các cột mục như tên hàng hóa, số lượng, hiện trạng hàng gửi... Vì vậy chỉ xác định được tổng giá trị gói hàng bà V chưa nhận được là 16 phiếu đặt hàng (16 gói sản phẩm) tương đương 190.080.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị V là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và điểm c khoản 2 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BCT ngày 30/7/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.

[3] Về án phí: Yêu cầu của bà Bùi Thị V được chấp nhận, do vậy Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà V phải chịu án phí đối với yêu cầu của bà V không được chấp nhận. Tuy nhiên do bà V đã trên 60 tuổi nên cần miễn án phí cho bà V.

Vì các lẽ trên

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 và 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 280, Điều 356, Điều 357 của Bộ luật dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 16 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp. Căn cứ Điều 12, khoản 1 và 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

**1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị V.**

Buộc Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải trả cho bà Bùi Thị V số tiền là 190.080.000 đồng (*Một trăm chín mươi triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị V về việc yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải trả cho bà Bùi Thị V số tiền là 535.760.000 đồng (*Năm trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*).

3. Về án phí: Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải chịu 9.504.000 (*Chín triệu năm trăm linh bốn nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Bùi Thị V.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có Q chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm.

5. Về Q kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có Q làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thoả thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKS TP Bắc Giang,
- CCTHA dân sự TP Bắc Giang,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Trường**